

Số: 74 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung (lần 9) Kế hoạch đầu tư công
trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Kết luận số 451-KL/TU ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ban chấp
hành Đảng bộ thành phố về chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban
hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung (lần 9) Kế hoạch đầu tư công trung hạn
thành phố giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân thành phố về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu
tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên
tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải
Phòng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2020/NQ-
HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố;*

*Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn
2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng
nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung*



hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 3) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 4) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 5) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 6) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 7) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 8) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 9) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 94/BC-KTNS ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh, bổ sung (lần 9) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025

1. Điều chỉnh giảm tổng nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố từ 95.584.592 triệu đồng xuống còn 86.887.005 triệu đồng (giảm 8.697.587 triệu đồng)

a) Điều chỉnh giảm Nguồn xây dựng cơ bản tập trung từ 51.952.306 triệu đồng xuống 22.269.732 triệu đồng (giảm 29.682.574 triệu đồng).

b) Điều chỉnh tăng Nguồn thu tiền sử dụng đất từ 32.256.273 triệu đồng lên 53.166.906 triệu đồng (tăng 20.910.633 triệu đồng).

c) Điều chỉnh tăng Nguồn xổ số kiến thiết từ 201.000 triệu đồng lên 205.000 triệu đồng (tăng 4.000 triệu đồng).

d) Điều chỉnh giảm Vốn vay từ 5.337.700 triệu đồng xuống 2.865.723 triệu đồng (giảm 2.471.977 triệu đồng).

đ) Bổ sung nguồn từ Số thưởng vượt dự toán thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2022: 896.600 triệu đồng.

e) Bổ sung nguồn từ Số tăng thu ngân sách cấp thành phố năm 2023:

1.645.731 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I - kèm theo)

2. Điều chỉnh phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố

a) Điều chỉnh giảm Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất từ 5.500.000 triệu đồng xuống 5.281.381 triệu đồng (giảm 218.619 triệu đồng).

b) Điều chỉnh tăng Bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện và phân cấp cho các quận, huyện từ 17.147.037 triệu đồng lên 18.341.358 triệu đồng (tăng 1.194.321 triệu đồng), trong đó: Điều chỉnh tăng Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các quận, huyện được điều tiết từ 6.774.774 triệu đồng lên 7.969.095 triệu đồng (tăng 1.194.321 triệu đồng).

c) Điều chỉnh giảm Chương trình xây dựng nông mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 từ 15.307.647 triệu đồng xuống 13.116.465 triệu đồng (giảm 2.191.182 triệu đồng).

d) Điều chỉnh giảm Chương trình xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021 - 2025 từ 2.104.504 triệu đồng xuống 797.116 triệu đồng (giảm 1.307.388 triệu đồng).

đ) Điều chỉnh giảm Công tác quy hoạch từ 100.000 triệu đồng xuống 57.561 triệu đồng (giảm 42.439 triệu đồng).

e) Điều chỉnh giảm Hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng từ 498.660 triệu đồng xuống 307.395 triệu đồng (giảm 191.265 triệu đồng).

g) Điều chỉnh giảm Bố trí vốn cho các dự án của thành phố từ 53.047.579 triệu đồng xuống 47.776.528 triệu đồng (giảm 5.271.052 triệu đồng), trong đó:

- Điều chỉnh giảm Dự án sử dụng vốn ODA vay lại từ 249.057 triệu đồng xuống 120.623 triệu đồng (giảm 128.434 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm Dự án sử dụng vốn ngân sách thành phố trong nước từ 52.798.522 triệu đồng xuống 47.655.904 triệu đồng (giảm 5.142.617 triệu đồng).

(Chi tiết tại các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII - kèm theo)

3. Dự phòng còn lại chưa phân bổ nguồn ngân sách thành phố trong trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: 538.760 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm về hồ sơ, tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Công báo HP, Cổng TTĐTTP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Lập

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		
		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm
1	2	3	4	5=4-3
A	TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG	101.118.342	92.420.755	-8.697.587
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	5.533.750	5.533.750	0
1	Vốn trong nước+B12:B13	4.319.190	4.319.190	
2	Vốn nước ngoài	1.214.560	1.214.560	0
II	NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	95.584.592	86.887.005	-8.697.587
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	51.952.306	22.269.732	-29.682.574
-	Trong đó: Chi đầu tư từ nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực của khẩu cảng biển	5.648.759	2.318.759	-3.330.000
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	32.256.273	53.166.906	20.910.633
3	Nguồn xổ số kiến thiết	201.000	205.000	4.000
4	Vốn vay	5.337.700	2.865.723	-2.471.977
2.1	Trái phiếu chính quyền địa phương	5.088.643	2.745.100	-2.343.543
2.2	Vay lại ODA	249.057	120.623	-128.434
5	Nguồn đóng góp của các doanh nghiệp để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ -Cát Hải	913.615	913.615	
6	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2020 chuyển sang	1.375.000	1.375.000	
7	Nguồn vượt thu ngân sách cấp thành phố năm 2021	551.403	551.403	
8	Nguồn thưởng vượt dự toán thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2021	1.742.000	1.742.000	
9	Nguồn vượt thu ngân sách thành phố năm 2022	435.000	435.000	
10	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2022 chuyển sang	700.000	700.000	
11	Nguồn kết dư ngân sách thành phố năm 2021 hạch toán thu ngân sách năm 2022	120.295	120.295	
12	Nguồn thưởng vượt dự toán thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và đầu tư trở lại theo cơ chế đặc thù năm 2022		896.600	896.600
13	Nguồn tăng thu ngân sách cấp thành phố năm 2023		1.645.731	1.645.731

PHỤ LỤC II: PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm	
1	2	3	4	5=4-3	6
	TỔNG SỐ	101.118.342	92.420.755	-8.697.587	
A	Nguồn ngân sách trung ương	5.533.750	5.533.750		
1	Vốn trong nước	4.319.190	4.319.190		
2	Vốn ngoài nước	1.214.560	1.214.560		
B	Nguồn ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của các doanh nghiệp	95.584.592	86.887.005	-8.697.587	
1	Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất	5.500.000	5.281.381	-218.619	
2	Bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện và phân cấp cho các quận, huyện	17.147.037	18.341.358	1.194.321	
2.1	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp huyện	9.274.106	9.274.106		
2.2	Bổ sung có mục tiêu cho huyện Thủy Nguyên và huyện An Dương	814.714	814.714		
-	Huyện Thủy Nguyên	427.350	427.350		
-	Huyện An Dương	387.364	387.364		
2.3	Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của thành phố	240.000	240.000		
-	Quận Hồng Bàng	105.000	105.000		
-	Huyện Vĩnh Bảo	135.000	135.000		
2.4	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các quận, huyện được điều tiết	6.774.774	7.969.095	1.194.321	
2.5	Chi đầu tư từ nguồn thu được điều tiết của quận Hải An	43.443	43.443		
3	Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025	15.307.647	13.116.465	-2.191.182	Phụ lục III
4	Chương trình đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, cây xanh trên địa bàn các quận giai đoạn 2021 - 2025	2.104.504	797.116	-1.307.388	
5	Công tác quy hoạch	100.000	57.561	-42.439	Phụ lục IV
6	Hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng	498.660	307.395	-191.265	
7	Cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	50.000	50.000		

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm	
1	2	3	4	5=4-3	6
8	Hoàn trả vay ứng Ngân sách trung ương Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng	400.000	400.000		
9	Hỗ trợ các quận, huyện chi trả kinh phí bồi thường GPMB tái định cư phục vụ Dự án xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn thành phố	220.442	220.442		
10	Bố trí vốn cho các dự án của thành phố	53.047.579	47.776.528	-5.271.052	
10.1	Dự án sử dụng vốn ODA vay lại	249.057	120.623	-128.434	Phụ lục V
10.2	Dự án sử dụng vốn ngân sách thành phố trong nước	52.798.522	47.655.904	-5.142.617	
-	Các Dự án sử dụng ngân sách thành phố	52.778.160	47.324.267	-5.453.892	Phụ lục VI
-	Thu hồi vốn đã ứng trước	20.362	331.637	311.275	Phụ lục VII
11	Dự phòng còn lại chưa phân bổ	1.208.723	538.760	-669.963	

**PHỤ LỤC III: THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 74 /NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		
		Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm
1	2	3	4	5=4-3
	TỔNG SỐ	15.307.647	13.116.465	-2.191.182
1	Huyện Thủy Nguyên	3.981.460	3.981.460	
2	Huyện An Dương	1.737.460	1.737.460	
3	Huyện An Lão	1.734.610	1.325.575	-409.035
4	Huyện Kiến Thụy	1.944.330	1.443.956	-500.374
5	Huyện Tiên Lãng	2.317.370	1.755.657	-561.713
6	Huyện Vĩnh Bảo	3.392.417	2.594.687	-797.730
7	Huyện Cát Hải	200.000	187.670	-12.330
8	Huyện Bạch Long Vĩ		90.000	90.000

PHỤ LỤC IV: NHIỆM VỤ QUY HOẠCH TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 74 /NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên Quỹ	Cơ quan lập quy hoạch	Quyết định phê duyet dự toán	Giá trị dự toán được duyet	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		
					Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Giảm
	TỔNG SỐ			71.754	100.000	57.561	-42.439
1	Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	478/QĐ-UBND, 09/02/2021	68.152	67.552	54.866	-12.686
2	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Đền thờ Nguyễn Bỉnh Khiêm	UBND huyện Vĩnh Bảo	2108/QĐ- UBND, 29/7/2021	3.602	3.602	2.695	-907
3	Các nhiệm vụ quy hoạch khác				28.846	-	-28.846



PHỤ LỤC V: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VAY LẠI TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 74 /NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			
		Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm	
				Ngân sách trung ương		Ngân sách thành phố					
				Vốn ODA cấp phát	Đối ứng NSTW	Vốn ODA vay lại	Đối ứng NSTP				
				Giao Hải Phòng quản lý	Bộ NNPTNT quản lý						
	TỔNG SỐ		6.274.199	3.738.613	36.755	9.632	946.469	1.542.747	249.057	120.623	-128.433
1	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) tại Hải Phòng	1658/QĐ-BNN-HTQT, 04/5/2017; 2638/QĐ-UBND, 30/10/2019; 5996/QĐ-BNN-HTQT, 29/12/2023; 2850/QĐ-UBND, 13/8/2024	253.740	84.018	36.755	9.632	84.018	39.335	182.950	83.952	-98.998
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại thành phố Hải Phòng	2591/QĐ-UBND, 10/05/2017 4007/QĐ-UBND, 31/12/2021	101.085	42.086			42.086	16.913	41.391	11.956	-29.435
3	Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố HP giai đoạn I (Bao gồm cả Dự án tái định cư Gia Minh phục vụ GPMB hợp phần quản lý chất thải rắn)	2333/QĐ-UBND, 25/10/2006; 1110/QĐ-UBND, 04/7/2008; 1807/QĐ-UBND, 11/9/2009; 2469/QĐ-UBND, 09/12/2009; 1727/QĐ-UBND, 18/10/2010; 1752/QĐ-UBND, 20/10/2010; 186/QĐ-UBND, 09/02/2012; 303/QĐ-UBND, 08/3/2012; 1821/QĐ-UBND, 23/9/2013; 1254/QĐ-UBND, 05/7/2013; 230/QĐ-UBND, 04/02/2016; 3098/QĐ-UBND, 08/10/2020 577/QĐ-UBND, 15/3/2017; 1029/QĐ-UBND, 04/5/2017; 1573/QĐ-UBND, 05/7/2018; 3616/QĐ-UBND, 30/11/2020	5.919.374	3.612.509			820.365	1.486.499	24.716	24.716	0

Đơn vị tính: Triệu đồng

PHỤ LỤC VI: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ TRONG
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp					
			Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTP	Đã giao			Điều chỉnh kỳ này		
				Tổng số	Tổng số		Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp
1	2	3	4	5	6	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12
												13=10-7
	276	TỔNG SỐ		123.912.886,839	96.108.653,202	52.778.159,558	51.864.544,558	913.615,000	913.615,000	47.324.267,433	46.410.652,433	913.615,000
A	79	Các Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán		11.255.291,479	7.525.805,611	3.588.343,741	3.588.343,741	3.588.343,741		3.022.973,221	3.022.973,221	
I	40	Các hoạt động kinh tế		7.016.065,710	4.975.324,134	2.757.178,744	2.757.178,744	2.757.178,744		2.231.669,118	2.231.669,118	
	15	Giao thông		3.988.504,138	3.649.312,917	2.201.948,541	2.201.948,541	2.201.948,541		1.685.878,083	1.685.878,083	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ núi giao Nam cầu Bình đến Ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	31/QĐ-STC, 01/11/2023	445.313,613	445.313,613	626.294,602	626.294,602	626.294,602		301.513,613	301.513,613	
2	1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường Ngô Quyền	14/QĐ-STC, 23/5/2024	67.744,243	67.744,243	26.301,712	26.301,712	26.301,712		13.308,427	13.308,427	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Đinh	35/QĐ-STC, 29/11/2023	240.570,205	170.570,205	67.571,947	67.571,947	67.571,947		51.671,854	51.671,854	
4	1	Cải tạo đường thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên	03/QĐ-GĐSTC, 15/01/2024	388.768,227	388.768,227	361.625,000	361.625,000	361.625,000		234.435,519	234.435,519	
5	1	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự (đoạn từ công Sân bay cũ đến đường liên phường), quận Hải An	15/QĐ-STC, 10/6/2024	206.821,512	206.821,512	205.380,000	205.380,000	205.380,000		170.173,390	170.173,390	
6	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trực chỉnh đô thị nối đường liên phường với đường 356 (giai đoạn II tuyến đường liên phường)	20/QĐ-STC, 12/7/2023	276.906,739	276.906,739	67.236,627	67.236,627	67.236,627		67.236,627	67.236,627	
7	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ cầu Lạng An đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo	22/QĐ-STC, 19/7/2023	1.194.917,023	1.194.917,023	318.590,972	318.590,972	318.590,972		318.590,972	318.590,972	
8	1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 362 huyện An Lão (đoạn từ ngã ba Quán Chàng Km18+500 đến ngã tư Kênh Km27+600)	29/QĐ-STC, 16/10/2023	131.100,446	131.100,446	60.817,964	60.817,964	60.817,964		60.817,964	60.817,964	
9	1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự	64/QĐ-STC, 20/12/2019	57.556,374	57.556,374	6.291,374	6.291,374	6.291,374		6.291,374	6.291,374	
10	1	Dự án khác phục sự cố cầu Bình	11/QĐ-STC, 17/6/2016	132.663,000	0,000	17.945,000	17.945,000	17.945,000		17.945,000	17.945,000	
11	1	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường Máng Nước (từ ngã tư đường Tôn Đức Thắng - Quốc lộ 5 đến đường tỉnh 351), huyện An Dương	21/QĐ-STC, 18/7/2023	337.164,485	337.164,485	337.248,044	337.248,044	337.248,044		337.248,044	337.248,044	

15/06/2024 14:12

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp													
STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao				Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	11	12	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11		12	13=10-7
12	1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 25 huyện Tiên Lãng từ Tỉnh lộ 354 đến Quốc lộ 10	04/QĐ-STC, 24/01/2022	121.488,902	0,000	27.749,784	27.749,784		27.749,784	27.749,784			
13	1	Cải tạo, nâng cấp đường Cúc Phố - Ninh Đồng (đoạn từ xã Công Hiền đến xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo)	2781/QĐ-UBND 29/10/2018 25/QĐ-STC 23/7/2021	41.886,201	36.136,201	16.036,021	16.036,021		16.036,021	16.036,021			
14	1	Dự án xây dựng tuyến đường vào và khu bảo tồn bãi cọc Cao Quý, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên	47/QĐ-GĐSTC, 23/11/2021	294.803,274	294.803,274	52.510,000	52.510,000		52.510,000	52.510,000			
15	1	Dự án đầu tư xây dựng đường vào cơ quan nội chính, tư pháp quận Lê Chân	24/QĐ-STC, 19/9/2022	50.799,893	41.510,574	10.349,494	10.349,494		10.349,494	10.349,494			
	14	Nông nghiệp, lâm nghiệp		1.328.922,833	550.600,774	212.868,698	212.868,698		212.888,890	212.888,890			-579,808
1	1	Dự án đầu tư xây dựng cổng Rộc tại K7+748 đê biển III, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	50/QĐ-STC, 29/12/2022	22.518,192	8.518,192	8.998,000	8.998,000		8.418,192	8.418,192			-579,808
2	1	Dự án đầu tư xây dựng Cảng cá Trần Châu tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	24/QĐ-STC, 16/7/2021	282.537,169	282.537,169	66.853,169	66.853,169			66.853,169			
3	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm dịch vụ hậu cần và phát triển thủy sản Trần Châu, Cát Bà	54/QĐ-STC, 02/11/2017; 3425/QĐ-UBND, 14/10/2022	304.425,379	3.872,379	3.185,652	3.185,652		3.185,652	3.185,652			
4	1	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa và công trình thủy lợi cung cấp nước ngọt tại xã Trần Châu, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	44/QĐ-STC, 03/11/2021	66.474,371	16.454,371	6.454,371	6.454,371			6.454,371			
5	1	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2017 thành phố Hải Phòng	34/QĐ-STC, 18/9/2019	54.997,865	54.997,865	14.997,865	14.997,865			14.997,865			
6	1	Khôi phục, nâng cấp khẩn cấp đê biển Cát Hải đoạn từ K1+181 đến K3+094	08/QĐ-STC, 26/5/2016; 2536/QĐ-UBND, 22/8/2023	48.372,342	3.252,342	1.752,342	1.752,342			1.752,342			
7	1	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2014 thành phố Hải Phòng	09/QĐ-STC, 26/5/2017	26.001,758	26.001,758	143,693	143,693			143,693			
8	1	Xử lý cấp bách chống xói lở bờ đê tả sông Lạch Tray, đoạn K15+450 đến K16+600 và đoạn K17+590 đến K19+000, huyện An Dương	40/QĐ-STC, 30/9/2019	12.978,534	12.978,534	338,225	338,225			338,225			
9	1	Dự án xây dựng khu nuôi tôm công nghiệp ven đường 14 Kiến Thụy - Đồ Sơn (Thanh toán gói thầu hoàn thành: gói thầu số 02 - Công, cấu trúc kênh và số 07 - Nhà quản lý xét nghiệm môi trường)	22/QĐ-STC, 02/5/2019	1.876,654	1.876,654	576,654	576,654			576,654			

STT	Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp					
			Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTP	Tổng số	Đã giao			Điều chỉnh kỳ này	
								Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố
1	2	3	4	5	6	7-8+9	8	9	10-11+12	11	12	Tăng/giảm
10	1	Dự án đầu tư bố trí, sắp xếp và ổn định dân cư khu vực Khe Sầu, đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	43/QĐ-STC, 03/11/2021	44.040,007	19.395,238	3.639,479	3.639,479		3.639,479	3.639,479		
11	1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi Lai - Sàng - Hông thuộc hệ thống thủy lợi Đa Độ	51/QĐ-STC, 28/9/2017; 2261/QĐ-UBND, 12/7/2022	116.767,411	18.883,416	18.883,400	18.883,400		18.883,400	18.883,400		
12	1	Dự án Tu bổ đê điều xung yếu năm 2021 thành phố Hải Phòng	48/QĐ-STC, 29/12/2022	102.705,877	69.705,877	70.497,000	70.497,000		70.497,000	70.497,000		
13	1	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi phục vụ cấp nước cho đảo Bạch Long Vĩ (giai đoạn 1)	06/QĐ-STC, 25/01/2022	179.736,295	0,000	7.109,369	7.109,369		7.109,369	7.109,369		
14	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình bố trí lại dân cư phát triển nông thôn theo mô hình thí điểm tại xã Tân Trào và xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	12/QĐ-STC, 16/3/2018; 224/QĐ-UBND, 21/01/2021	65.490,979	32.126,979	9.439,479	9.439,479		9.439,479	9.439,479		
7		Công trình công cộng		635.710,472	544.296,941	228.252,590	228.252,590		219.298,067	219.298,067		-8.954,523
1	1	Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (điểm số 3) tại phường Đằng Hải, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đồng Khê 2	08/QĐ-STC, 19/02/2024	61.030,448	61.030,448	8.073,918	8.073,918		7.220,545	7.220,545		-853,373
2	1	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hải Phòng Sakura Golf Club tại huyện An Lão	04/QĐ-STC, 18/01/2024	68.090,584	68.090,584	72.808,000	72.808,000		67.990,584	67.990,584		-4.817,416
3	1	Dự án đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống lan can bảo vệ dọc tuyến đường hốt thoát nước và hồ điều hòa trên địa bàn các quận trung tâm thành phố	16/QĐ-STC, 12/6/2024	61.025,620	61.025,620	69.283,628	69.283,628		61.025,620	61.025,620		-8.258,008
4	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu nhà ở phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại khu đất Công ty Xuất nhập khẩu sức sản gia cầm Hải Phòng	66/QĐ-STC, 21/12/2018	8.095,085	8.095,085	67,257	67,257		67,257	67,257		
5	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường xung quanh Trung tâm Thương mại AEONMALL Hải Phòng Lê Chân	21/QĐ-STC, 12/9/2022	101.124,140	84.192,734	36.768,351	36.768,351		36.768,351	36.768,351		
6	1	Khu nhà ở chung cư tái định cư 5 tầng tại phường Kênh Dương, quận Lê Chân	21/QĐ-STC, 20/8/2015	78.698,195	78.698,195	10.661,195	10.661,195		10.661,195	10.661,195		
7	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải	02/QĐ-STC, 13/3/2020	135.072,126	60.590,000	30.590,241	30.590,241		30.590,241	30.590,241		

10/10/2024 17:11

STT		Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ		Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp						
				4	5	Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này		Tăng/giảm		
						Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
1	2	3					6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
			Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	22/QĐ-STC, 09/8/2024	122.574,274	122.574,274	122.574,274				4.974,274	4.974,274		4.974,274
	4		Hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp		1.062.928,266	231.113,503		114.108,915	114.108,915		114.204,077	114.204,077		95,162
1	1		Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Liên, huyện Vĩnh Bảo (giai đoạn II)	06/QĐ-STC, 10/3/2023	104.541,890	104.541,890	104.541,890	55.708,519	55.708,519		55.708,519	55.708,519		
2	1		Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường gom Khu công nghiệp Tràng Duệ	28/QĐ-STC, 04/10/2022	90.213,217	90.213,217	90.213,217	22.042,000	22.042,000		22.042,000	22.042,000		
3	1		Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Tây Nam khu công nghiệp Đình Vũ (Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải)	01/QĐ-STC, 13/3/2020	802.279,000	36.358,396	36.358,396	36.358,396	36.358,396		36.358,396	36.358,396		
4	1		Dự án đầu tư xây dựng Công trình hạ tầng kỹ thuật công nghiệp Cụm công nghiệp Tràng Duệ (Khu A)	1049/QĐ-STC, 23/12/2014; 25/QĐ-STC, 21/9/2023	65.894,159	-	-	-	-		95,162	95,162		95,162
II	11	Y tế			1.617.580,869	670.580,869		226.164,881	226.164,881		213.253,612	213.253,612		-12.911,269
1	1		Bệnh viện đa khoa quận Hải An	08/QĐ-STC, 24/3/2023	75.899,069	26.807,069	26.807,069	9.004,397	9.004,397		3.083,466	3.083,466		-5.920,931
2	1		Đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền Hải Phòng - Giai đoạn I	44/QĐ-STC, 14/12/2022	177.528,591	177.528,591	177.528,591	53.742,000	53.742,000		42.528,591	42.528,591		-11.213,409
3	1		Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm y tế dự phòng - Giai đoạn I	06/QĐ-STC, 22/01/2024	6.414,437	914,437	914,437	1.289,000	1.289,000		874,437	874,437		-414,563
4	1		Dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Thụy	20/QĐ-STC, 12/7/2024	25.229,807	24.979,807	24.979,807	3.224,000	3.224,000		7.861,634	7.861,634		4.637,634
5	1		Chỉnh trang, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	19/QĐ-STC, 12/7/2023	68.015,806	68.015,806	68.015,806	50.349,172	50.349,172		50.349,172	50.349,172		
6	1		Đầu tư xây dựng trung tâm sơ sinh thuộc Bệnh viện phụ sản Hải Phòng	07/QĐ-STC, 24/3/2023	109.111,746	81.111,746	81.111,746	6.506,000	6.506,000		6.506,000	6.506,000		
7	1		Dự án các công trình hệ thống xử lý chất thải 10 bệnh viện đa khoa thuộc Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện do Ngân hàng thế giới tài trợ	73/QĐ-STC, 26/12/2018; 87/QĐ-STC, 26/12/2018	83.289,000	8.126,000	8.126,000	175,000	175,000		175,000	175,000		
8	1		Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Hải Phòng - Giai đoạn I (Đầu tư xây dựng Bệnh viện Việt Tiếp II)	13/QĐ-STC 24/5/2022	919.709,611	157.864,611	157.864,611	80.580,700	80.580,700		80.580,700	80.580,700		
9	1		Dự án đầu tư xây dựng nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	15/QĐ-STC 06/7/2022	51.614,062	51.614,062	51.614,062	9.641,160	9.641,160		9.641,160	9.641,160		
10	1		Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Tiên Lãng - Giai đoạn I	38/QĐ-STC, 15/11/2022	54.917,789	54.667,789	54.667,789	9.008,499	9.008,499		9.008,499	9.008,499		

			Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp						
STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTP	Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
				Tổng số			Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7	
II	1	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng - giai đoạn I	35/QĐ-STC, 31/12/2020	45.850,952	18.950,952	2.644,953	2.644,953		2.644,953				
III	8	An ninh trật tự và an toàn xã hội		684.863,619	510.462,342	258.289,266	258.289,266		253.421,735			-4.867,531	
I	1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp Trụ sở Công an thành phố Hải Phòng	33/QĐ-STC, 24/11/2023	162.925,125	162.925,125	101.406,946	101.406,946		98.425,125			-2.981,821	
2	1	Dự án xây dựng Doanh trại Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 1 - khu vực Dương Kinh	36/QĐ-STC, 27/12/2023	54.063,487	45.113,487	26.999,198	26.999,198		25.113,488			-1.885,710	
3	1	Dự án đầu tư đóng mới tàu chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông, biển	17/QĐ-STC, 30/6/2023	188.074,277	188.074,277	103.524,277	103.524,277		103.524,277				
4	1	Trung tâm Bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ Công an thành phố tại phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn	25/QĐ-STC 30/12/2016; 915/TB-KTNN 21/11/2017	61.658,906	30.829,453	4.478,280	4.478,280		4.478,280				
5	1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Đằng Lâm, quận Hải An	61/QĐ-STC, 30/12/2021	12.726,612	12.726,612	6.676,612	6.676,612		6.676,612				
6	1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	60/QĐ-STC, 30/12/2021	12.929,307	12.929,307	6.879,307	6.879,307		6.879,307				
7	1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân	62/QĐ-STC, 30/12/2021	13.647,157	13.647,157	7.597,157	7.597,157		7.597,157				
8	1	Trại tạm giam thuộc Công an thành phố Hải Phòng giai đoạn I	6424/QĐ-H01-P6, 31/12/2019 của Cục Kế hoạch và Tài chính - Bộ Công an	178.838,747	44.216,923	727,489	727,489		727,489				
IV	5	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước		330.140,793	211.277,579	48.571,967	48.571,967		45.185,507			-3.386,460	
I	1	Đầu tư xây dựng mới Tòa án nhân dân quận Dương Kinh	34/QĐ-STC, 29/11/2023	31.336,937	31.336,937	7.603,397	7.603,397		4.216,937			-3.386,460	
2	1	Xây dựng mới đơn nguyên 2 tòa án nhân dân quận Ngô Quyền và tu bổ, bảo tồn tòa nhà Pháp phía trước	16/QĐ-STC, 20/6/2023	25.880,453	25.880,453	20.810,453	20.810,453		20.810,453				
3	1	Báo cáo KTKT xây dựng Hội trường xét xử thân thiện, phòng làm việc của thẩm phán và thư ký Tòa Gia đình và người chưa thành niên, Trung tâm lưu trữ hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố	14/QĐ-STC, 28/4/2023	13.518,677	13.518,677	13.448,677	13.448,677		13.448,677				
4	1	Xây dựng Trung tâm hội nghị Thành phố	665/QĐ-STC, 30/10/2014	134.374,437	134.374,437	6.042,365	6.042,365		6.042,365				
5	1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Sở Tài chính thành phố Hải Phòng	19/QĐ-STC, 31/8/2022	125.030,289	6.167,075	667,075	667,075		667,075				
V	2	Thể dục, thể thao		145.842,617	46.325,712	21.842,298	21.842,298		19.825,729			-2.016,569	



Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp												
STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
1	1	Dự án Trung tâm huấn luyện và tổ chức thi đấu môn bắn súng, bắn cung	11/QĐ-STC, 30/3/2023	43.384,403	18.867,498	9.834,067	9.834,067		7.817,498	7.817,498		-2.016,569
2	1	Dự án đầu tư xây dựng Khu huấn luyện đua thuyền thành phố Hải Phòng- Giai đoạn 1	10/QĐ-STC, 30/3/2023	102.458,214	27.458,214	12.008,231	12.008,231		12.008,231	12.008,231		
VI	5	Giáo dục đào tạo		448.415,966	441.615,966	43.997,258	43.997,258		43.997,258	43.997,258		
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trường PTTH Tô Hiệu, Vĩnh Bảo đạt chuẩn quốc gia (giai đoạn I)	10/QĐ-STC, 19/4/2022	46.622,742	46.622,742	14.034,000	14.034,000		14.034,000	14.034,000		
2	1	Cải tạo, nâng cấp 02 nhà giảng đường Trường Chính trị Tô Hiệu (giai đoạn 1: xây dựng nhà giảng 3 tầng số 2)	35/QĐ-STC, 05/9/2018	23.085,597	23.085,597	2.055,597	2.055,597		2.055,597	2.055,597		
3	1	Dự án Trường trung học phổ thông chuyên Trần Phú, giai đoạn I	39/QĐ-STC, 30/9/2019	323.298,140	323.298,140	498,271	498,271		498,271	498,271		
4	1	Dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa Trường trung học phổ thông Ngô Quyền	26/QĐ-STC, 20/9/2022	45.260,000	45.260,000	24.059,903	24.059,903		24.059,903	24.059,903		
5	1	Xây dựng công trình Trường tiểu học thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải	44/QĐ-STC, 03/10/2018	10.149,487	3.349,487	3.349,487	3.349,487		3.349,487	3.349,487		
VII	4	Bảo vệ môi trường		512.416,976	254.584,972	110.540,842	110.540,842		99.992,077	99.992,077		-10.548,765
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm điều khiển tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường và lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động giai đoạn I	19/QĐ-STC, 12/7/2024	89.166,835	89.166,835	99.715,600	99.715,600		89.166,835	89.166,835		-10.548,765
2	1	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Liên thành phố Hải Phòng giai đoạn I	03/QĐ-STC, 13/01/2016; 24/QĐ-STC, 21/9/2023	89.357,015	89.357,015	2.490,677	2.490,677		2.490,677	2.490,677		
3	1	Dự án Quản lý và xử lý chất thải rắn Hải Phòng	16/QĐ-STC, 14/6/2021	320.256,037	62.424,032	2.697,475	2.697,475		2.697,475	2.697,475		
4	1	Cải tạo và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ	27/QĐ-STC, 04/10/2022	13.637,090	13.637,090	5.637,090	5.637,090		5.637,090	5.637,090		
VIII	1	Phát thanh, truyền hình, thông tin		342.191,493	342.191,493	64.449,471	64.449,471		64.449,471	64.449,471		
1	1	Dự án đầu tư nâng cao năng lực hoạt động của Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng	24/QĐ-STC, 13/5/2019	342.191,493	342.191,493	64.449,471	64.449,471		64.449,471	64.449,471		
IX	1	Văn hóa		32.427,785	27.927,785	16.893,920	16.893,920		16.893,920	16.893,920		
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dr Hàng, phường Dr Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	32/QĐ-STC, 14/10/2022	32.427,785	27.927,785	16.893,920	16.893,920		16.893,920	16.893,920		
X	2	Lĩnh vực khác		125.345,651	45.514,760	40.415,094	40.415,094		34.284,795	34.284,795		-6.130,299

STT		Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp							
				Số NQ/QĐ		Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này		Tăng/giảm
						Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Mở rộng nghĩa trang Đồng Chợ, xã Trường Thành, huyện An Lão	12/QĐ-STC, 03/4/2023	30.386,701	30.386,701	36.417,000	36.417,000		30.286,701			-6.130,299	
2	1	Nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm và phát triển nông thôn và khí sinh học thành phố Hải Phòng	11/QĐ-STC, 22/3/2019	94.958,950	15.128,059	3.998,094	3.998,094		3.998,094				
B	90	Các Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		66.845.400,999	46.569.288,484	21.767.566,827	20.853.951,827	913.615,000	20.927.160,560	20.013.545,560	913.615,000	-840.406,267	
I	68	Các hoạt động kinh tế		59.283.469,940	44.290.633,694	20.787.019,445	19.873.404,445	913.615,000	20.026.268,179	19.112.653,179	913.615,000	-760.751,267	
	32	Giao thông		34.189.294,658	23.620.420,658	13.441.211,290	13.441.211,290		12.729.105,291	12.729.105,291		-712.105,999	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông Nam Cầu Bình	2928/QĐ-UBND 31/10/2017; 972/QĐ-UBND, 24/4/2019; 432/QĐ-UBND, 24/02/2020; 3503/QĐ-UBND, 02/10/2024	1.139.871,486	1.139.871,486	384.297,289	384.297,289		99.276,207			-285.021,082	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ cầu Lãng Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo đến đường bộ ven biển	2662/QĐ-UBND, 31/10/2019; 1183/QĐ-UBND, 19/4/2022; 1630/QĐ-UBND, 24/5/2024	1.157.765,269	1.157.765,269	1.314.085,295	1.314.085,295		1.128.665,269			-185.420,026	
3	1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 đoạn từ ngã ba Áng Sỏi đến Tổ dân phố số 02, thị trấn Cát Bà	2723/QĐ-UBND 22/10/2018; 1221/QĐ-UBND, 12/4/2024	178.393,957	178.393,957	141.500,153	141.500,153		87.653,919	87.653,919		-53.846,234	
4	1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 đoạn từ cầu Đá Bạc đến cầu Kiền	3095/QĐ-UBND, 07/10/2020; 2287/QĐ-UBND, 13/7/2022; 4613/QĐ-UBND, 30/12/2022	1.537.687,342	1.537.687,342	1.330.680,692	1.330.680,692		1.225.687,342	1.225.687,342		-104.993,350	
5	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng Nước từ chân Cầu Bình nối với đường 359 tại Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	2636/QĐ-UBND 28/10/2016; 2433/QĐ-UBND, 10/10/2019; 652/QĐ-UBND 28/02/2022; 1272/QĐ-UBND, 19/4/2024	949.455,717	949.455,717	876.998,000	876.998,000		795.725,567	795.725,567		-81.272,433	
6	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Rào 1	2659/QĐ-UBND, 31/10/2019; 2143/QĐ-UBND, 24/7/2020; 3667/QĐ-UBND, 06/11/2023	2.265.197,934	2.265.197,934	2.114.197,934	2.114.197,934		2.114.197,934	2.114.197,934			
7	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đồng Khê 2 - giai đoạn I, quận Ngô Quyền đoạn từ ngã tư Nguyễn Bình Khiêm - Văn Cao đến đường Lê Lợi	917/QĐ-UBND, 24/5/2013; 355/QĐ-UBND, 07/3/2016; 152/QĐ-UBND, 17/01/2019; 2802/QĐ-UBND, 15/11/2019; 2329/QĐ-UBND, 17/8/2021; 757/QĐ-UBND, 27/3/2023; 1262/QĐ-UBND, 17/4/2024	1.340.802,840	1.340.802,840	1.215.288,658	1.215.288,658		1.215.288,658	1.215.288,658			
8	1	Dự án đầu tư xây dựng trục đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 đoạn từ nút giao Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường chợ Con	2929/QĐ-UBND 31/10/2017; 2911/QĐ-UBND, 22/9/2020	2.053.334,000	2.053.334,000	552.664,000	552.664,000		552.664,000	552.664,000			



STT		Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ		Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh kỳ này				Tăng/giảm		
						Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Ngân sách thành phố	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
1	2	3		4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7	
9	1		Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới và các dự án tái định cư, phục vụ GPMB	199/QĐ-UBND, 30/01/2011; 200/QĐ-UBND, 30/01/2011; 2264/QĐ-UBND, 13/11/2013; 2057/QĐ-UBND, 21/10/2013; 607/QĐ-UBND, 14/3/2014; 605/QĐ-UBND, 14/3/2014; 2375/QĐ-UBND, 31/10/2014; 1242/QĐ-UBND, 07/01/2016; 916/QĐ-UBND, 23/5/2013; 2924/QĐ-UBND, 29/12/2015; 292/QĐ-UBND, 02/3/2015; 3346/QĐ-UBND, 29/12/2015; 3347/QĐ-UBND, 29/12/2015; 1865/QĐ-UBND, 07/9/2016; 1844/QĐ-UBND, 07/8/2018 141/QĐ-UBND, 16/01/2024	5.353.597,000	1.949.409,000	91.151,000	91.151,000		112.792,000	112.792,000		21.641,000	
10	1		Dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT353 đến cầu Thái Bình (Km0-Km19+645)	2513/QĐ-UBND, 24/8/2020; 2945/QĐ-UBND, 13/10/2021; 818/QĐ-UBND, 31/3/2023	946.367,201	550.367,201	548.217,201	548.217,201		548.217,201	548.217,201			
11	1		Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường xuyên đảo Cát Hải - Cát Bà (đoạn Cát Viêng - Mốc Tráng)	2275/QĐ-UBND 20/11/2007 1122/QĐ-UBND 17/6/2009 356a/QĐ-UBND 20/02/2017 2502/QĐ-UBND 26/9/2017 2387/QĐ-UBND 24/8/2021 2830/QĐ-UBND, 20/9/2023	669.705,000	637.426,000	210.221,996	210.221,996		210.221,996	210.221,996			
12	1		Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - cầu Hàn - Quốc lộ 37	2933/QĐ-UBND 31/10/2017 2374/QĐ-UBND 04/10/2019 4035/QĐ-UBND 31/12/2021	347.893,000	347.893,000	169.921,000	169.921,000		169.921,000	169.921,000			
13	1		Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập - cầu Đăng - Quốc lộ 37	2932/QĐ-UBND, 31/10/2017; 2592/QĐ-UBND, 31/8/2020	226.534,000	226.534,000	34.365,651	34.365,651		34.365,651	34.365,651			
14	1		Dự án đầu tư xây dựng cầu Quang Thanh	2661/QĐ-UBND, 31/10/2019; 3876/QĐ-UBND, 24/12/2020; 2744/QĐ-UBND, 23/9/2021; 2871/QĐ-UBND, 21/9/2023	398.600,000	239.304,000	86.356,504	86.356,504		86.356,504	86.356,504			
15	1		Dự án đầu tư xây dựng Cầu Khuê	301/QĐ-UBND, 26/02/2007; 1941/QĐ-UBND, 29/9/2009; 359/QĐ-UBND, 10/3/2010; 1402/QĐ-UBND, 18/7/2016; 2228/QĐ-UBND, 10/9/2018	509.740,000	145.209,000	19.050,061	19.050,061		19.050,061	19.050,061			

STT		Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp					
				Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
					Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
1	2	3		4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
16	1		Dự án cải tạo nâng cấp đường 356 đoạn từ ngã ba Hiền Hào đến ngã ba Ấng Sỏi, huyện Cát Hải	1445/QĐ-UBND, 16/9/2011; 1604/QĐ-UBND, 22/8/2013 1818/QĐ-UBND, 21/08/2014; 2503/QĐ-UBND, 26/9/2017; 1569/QĐ-UBND, 12/6/2020; 499/QĐ-UBND, 09/02/2022	826.657,000	585.768,000	138.608,067	138.608,067		138.608,067	138.608,067		
17	1		Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường trục qua Khu công nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng	2133/QĐ-UBND, 29/10/2013; 3077/QĐ-UBND, 21/11/2018; 703/QĐ-UBND, 12/3/2021	562.103,000	172.103,000	147.003,000	147.003,000		147.003,000	147.003,000		
18	1		Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông khác mức giữa đường Lê Hồng Phong với đường Nguyễn Bình Khiêm	739/QĐ-UBND 13/5/2016; 2661/QĐ-UBND 16/10/2017; 511/QĐ-UBND 11/3/2019; 428/QĐ-UBND 24/02/2020; 1661/QĐ-UBND 14/6/2021; 3677/QĐ-UBND, 06/11/2023	364.566,240	364.566,240	50.355,757	50.355,757		50.355,757	50.355,757		
19	1		Dự án xây dựng tuyến đường nói tình lộ 354 qua Khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bờ ven biển tại xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy	2650/QĐ-UBND 31/10/2019; 1392/QĐ-UBND, 22/5/2023	924.238,000	924.238,000	901.238,000	901.238,000		908.738,000	908.738,000		7.500,000
20	1		Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường ĐT 363 (đoạn kênh Hòa Bình, từ ĐT 353 đến ĐT 361)	3096/QĐ-UBND 10/7/2020; 898/QĐ-UBND, 06/4/2023	429.005,388	429.005,388	426.505,388	426.505,388		426.505,388	426.505,388		
21	1		Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp đường 359 đoạn từ cầu Bình đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	2931/QĐ-UBND 31/10/2017; 3928/QĐ-UBND 29/12/2020; 3237/QĐ-UBND, 12/11/2021	1.819.685,000	1.739.685,000	1.159.267,649	1.159.267,649		970.261,840	970.261,840		-189.005,809
22	1		Dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông Khu đô thị và công nghiệp bên Rừng, huyện Thủy Nguyên	2626/QĐ-UBND, 30/10/2019 1408/QĐ-UBND, 20/5/2022	1.245.003,663	1.245.003,663	1.043.901,663	1.043.901,663		1.043.901,663	1.043.901,663		
23	1		Tuyến đường bao phía Nam kênh huyện đới, thị trấn Tiên Lãng (đoạn từ đường 354 đến đường 212)	2856/QĐ-UBND 30/10/2017; 2987/QĐ-UBND, 15/10/2021	129.882,000	69.166,000	52.917,000	52.917,000		50.866,000	50.866,000		-2.051,000
24	1		Nâng cấp cải tạo tuyến đường phòng chống lụt bão và trực liên xã Bắc Hưng - Nam Hưng - Đông Hưng - Tây Hưng (đoạn từ ngã ba Quán Cháy đi công C4)	2884/QĐ-UBND 28/10/2017; 3155/QĐ-UBND, 03/11/2021	158.447,000	110.467,000	67.778,000	67.778,000		67.778,000	67.778,000		
25	1		Dự án đầu tư xây dựng đường bao phía Đông Nam quận Hải An đoạn từ khu vực chân cầu Rào đến vị trí giao với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	587/QĐ-UBND 04/9/2009; 1195/QĐ-UBND 31/7/2012; 1041/QĐ-UBND, 12/6/2013; 2290/QĐ-UBND, 13/10/2016; 1884/QĐ-UBND, 05/7/2021; 3916/QĐ-UBND, 22/11/2022	2.066.540,000	200.000,000	50.000,000	50.000,000		50.000,000	50.000,000		

STT			Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp					
					Số NQ/QĐ		Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm		
							Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Tổng mức đầu tư		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Số NQ/QĐ		Trong đó: NSTP		Đã giao		Điều chỉnh			

STT		Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp					
				Số NQ/QĐ		Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh kỳ này				Tăng/giảm	
								Đã giao		Điều chỉnh kỳ này			
					Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
1	2	3		4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
4	1	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa và công trình thủy lợi cung cấp nước ngọt tại xã Xuân Đám, huyện Cát Hải	984/QĐ-UBND, 23/6/2010; 447/QĐ-UBND, 05/3/2013; 2343/QĐ-UBND, 31/10/2014; 1117/QĐ-UBND, 04/5/2020	131.453,000	60.621,000	50.621,000	50.621,000	50.621,000		50.621,000	50.621,000		
5	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê biển Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	955/QĐ-BQL, 20/12/2010; 2584/QĐ-UBND, 27/12/2013; 2131/QĐ-UBND, 02/8/2021	2.284.038,000	1.257.267,000	2.166.582,000	2.166.582,000	1.252.967,000	913.615,000	2.166.582,000	1.252.967,000	913.615,000	
6	1	Giảm sóng ổn định bãi và trồng cây bảo vệ đê biển I, Hải Phòng	1990/QĐ-UBND, 31/8/2015; 2246/QĐ-UBND, 28/7/2020	37.193,000	3.451,000	3.451,000	3.451,000	3.451,000		3.451,000	3.451,000		
7	1	Dự án Phục hồi và phát triển rừng phòng hộ ven biển, ven sông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015 - 2020	1937/QĐ-UBND, 26/8/2015	103.282,400	4.285,600	4.285,600	4.285,600	4.285,600		4.285,600	4.285,600		
8	1	Dự án đầu tư xây dựng Cảng và khu neo đậu tàu phía Tây bắc đảo Bạch Long Vỹ	1725/QĐ-UBND, 18/10/2010; 93/QĐ-UBND, 24/01/2011; 1590/QĐ-UBND, 09/8/2016; 3046/QĐ-UBND, 19/01/2018; 428/QĐ-UBND, 29/12/2020	537.729,000	30.229,000	30.179,000	30.179,000	30.179,000		30.179,000	30.179,000		
9	1	Dự án Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển I từ K0+000 đến K11+500 và từ K17+000 đến K17+591	1843/QĐ-UBND 17/9/2009; 2337/QĐ-UBND 28/12/2012; 1927/QĐ-UBND 25/8/2015; 103/QĐ-UBND, 13/01/2023	256.734,000	105.154,000	105.154,000	105.154,000	105.154,000		105.154,000	105.154,000		
10	1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp vỉa hè, kè đá sông đảo Hạ Lý đường Lán Bè - đoạn từ cầu An Dương đến cầu An Đông	2678/QĐ-UBND, 31/10/2017; 3128/QĐ-UBND, 26/11/2018; 3497/QĐ-UBND, 01/12/2021	61.723,691	61.723,691	54.704,365	54.704,365	54.704,365		54.704,365	54.704,365		
	23	Công trình công cộng		19.813.974,123	18.506.272,123	4.567.010,118	4.567.010,118	4.567.010,118		4.565.990,297	4.565.990,297		-1.019,821
1	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm	2610/QĐ-UBND 28/10/2016 2553/QĐ-UBND 24/10/2019 4064/QĐ-UBND 31/12/2020 121/QĐ-UBND 16/01/2023 4644/QĐ-UBND 29/12/2023	910.771,553	910.771,553	400.552,526	400.552,526	400.552,526		399.532,704	399.532,704		-1.019,821
2	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm	2008/QĐ-UBND 15/9/2016 2632/QĐ-UBND 10/10/2018 223/QĐ-UBND 20/01/2021 4414/QĐ-UBND, 20/12/2023	9.899.085,000	9.899.085,000	1.476.777,392	1.476.777,392	1.476.777,392		1.476.777,392	1.476.777,392		
3	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc Sông Cấm giai đoạn 2	2247/QĐ-UBND, 20/9/2019; 581/QĐ-UBND, 21/02/2022	323.174,674	323.174,674	30.409,674	30.409,674	30.409,674		30.409,674	30.409,674		
4	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền (giai đoạn 1)	2481/QĐ-UBND 25/9/2017; 3238/QĐ-UBND 23/10/2020; 686/QĐ-UBND 04/3/2022	744.581,557	744.581,557	437.793,376	437.793,376	437.793,376		437.793,376	437.793,376		

Handwritten signature and red stamp at the bottom right of the page.

STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp					
				Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này		
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12
5	1	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đồng Khê 2 tại phường Đồng Giang, Quận Ngô Quyền	50/QĐ-UBND, 11/01/2012; 54/QĐ-UBND, 12/01/2015; 3885/QĐ-UBND, 24/12/2021; 1477/QĐ-UBND, 01/6/2023	316.371,838	316.371,838	178.175,402	178.175,402		178.175,402		
6	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường Đồng Khê 2 tại phường Đồng Khê, quận Ngô Quyền	564/QĐ-UBND 14/03/2017; 526/QĐ-UBND, 13/3/2019; 2591/QĐ-UBND, 31/8/2020; 2688/QĐ-UBND, 19/10/2022; 341/QĐ-UBND, 02/02/2024	69.160,568	69.160,568	56.916,654	56.916,654		56.916,654		
7	1	Xây dựng công trình nhà B tái định cư 11 tầng thuộc Khu nhà chung cư Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền	2174/QĐ-UBND, 04/10/2006; 1595/QĐ-UBND, 26/9/2008; 32/QĐ-UBND, 09/01/2021; 386/QĐ-UBND, 11/02/2014	161.121,000	161.121,000	36.836,502	36.836,502		36.836,502		
8	1	Đầu tư xây dựng công trình Nhà chung cư tái định cư tại khu T, phường Thành Tô, quận Hải An	362/QĐ-UB, 7/3/2005; 489/QĐ-UBND,16/4/2012; 2666/QĐ-UBND,24/11/2015; 663/QĐ-UBND, 26/3/2017	86.639,000	86.639,000	18.245,506	18.245,506		18.245,506		
9	1	Xây dựng Khu tái định cư phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường Máng Nước từ chân cầu Bình nối với đường 359 tại thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	2905/QĐ-UBND 31/10/2017; 2836/QĐ-UBND, 17/9/2020	187.127,078	187.127,078	37.894,078	37.894,078		37.894,078		
10	1	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư đảo Cát Hải - giai đoạn I (tại xã Văn Phong và Nghĩa Lộ, diện tích 15,66ha)	2858/QĐ-UBND, 30/10/2017 2106/QĐ-UBND, 06/9/2019; 1704/QĐ-UBND, 18/6/2021; 1516/QĐ-UBND, 02/6/2023	495.737,675	425.737,675	76.796,673	76.796,673		76.796,673		
11	1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư đảo Cát Hải - Giai đoạn I (tại các xã Văn Phong, Nghĩa Lộ và Hoàng Châu - diện tích 19,68ha)	547/QĐ-UBND, 14/3/2019; 1705/QĐ-UBND, 18/6/2021; 1515/QĐ-UBND, 02/6/2023	642.878,973	642.878,973	551.143,041	551.143,041		551.143,041		
12	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	1857/QĐ-UBND, 06/9/2016 3987/QĐ-UBND, 30/12/2020 3554/QĐ-UBND, 02/11/2023 459/TB-UBND, 13/12/2023	139.025,000	130.025,000	36.836,123	36.836,123		36.836,123		
13	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại A51 (tổ 24, 26, 27) phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân	2851/QĐ-UBND, 30/10/2017; 1564/QĐ-UBND, 04/6/2021; 1697/QĐ-UBND, 20/6/2023	260.314,741	260.314,741	68.058,619	68.058,619		68.058,619		
14	1	Hạ tầng chi tiết khu trung tâm đa chức năng, công trình công cộng và nhà ở Khu đô thị mới Ngã 5 - Sân bay Cát Bi, thành phố Hải Phòng	1010/QĐ-TTg, 17/12/1997; 3013/QĐ-UBND, 19/11/2004; 1917/QĐ-UBND, 14/8/2018	1.881.009,000	785.322,000	7.157,930	7.157,930		7.157,930		

STT		Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
					Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
					5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư													
Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp													
				4									
15	1		Xây dựng khu chung cư cao tầng tại phường Đồng Khê, quận Ngô Quyền phục vụ tái định cư để GPMB tuyến đường trung tâm 100m Lạch Tray-Hồ Đồng	1206/QĐ-UBND, 14/6/2005; 1191/QĐ-UBND, 16/7/2010	276.601,000	276.601,000	14.911,885	14.911,885		14.911,885			
16	1		Dự án đầu tư xây dựng công viên cây xanh từ bến xe Tam Bạc đến chân cầu đường bộ Tam Bạc giai đoạn 2	1924/QĐ-UBND 09/9/2016	598.526,000	598.526,000	131.123,376	131.123,376		131.123,376			
17	1		Dự án đầu tư xây dựng công viên cây xanh từ bến xe Tam Bạc đến chân cầu đường bộ Tam Bạc giai đoạn 1	2292/QĐ-UBND 06/10/2015	34.835,680	34.835,680	3.835,680	3.835,680		3.835,680			
18	1		Dự án đầu tư chỉnh trang sông Tam Bạc (đoạn từ cầu Lạc Long đến công viên Tam Bạc)	2911/QĐ-UBND 31/10/2017 584/QĐ-UBND, 26/02/2021 2360/QĐ-UBND, 25/12/2021	1.454.349,000	1.454.349,000	297.150,096	297.150,096		297.150,096			
19	1		Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị và nhà ở Cựu Viên - Kiến An, giai đoạn I (xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng)	1100/QĐ-UBND, 17/12/1997 3013/QĐ-UBND, 19/11/2004 3575/QĐ-UBND 8/12/2021	251.687,000	118.672,000	12.296,000	12.296,000		12.296,000			
20	1		Dự án đầu tư xây dựng điện chiếu sáng, lan can ven hồ Phương Lưu	39/QĐ-UBND, 13/01/2011 4039/QĐ-UBND, 30/11/2022 1163/QĐ-UBND, 08/4/2024	24.186,982	24.186,982	19.921,163	19.921,163		19.921,163			
21	1		Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ Khu 47 Lê Lai, phường Máy Chai; Khu 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre và U1, U2, U3 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	2856/QĐ-UBND, 31/10/2018; 1366/QĐ-UBND, 01/6/2020; 1551/QĐ-UBND, 27/5/2022	330.140,039	330.140,039	249.531,431	249.531,431		249.531,431			
22	1		Dự án thành phần xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ di chuyển các đơn vị Hải quân thuộc Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	847/QĐ-UBND, 24/5/2016; 887/QĐ-UBND, 30/3/2020; 2271/QĐ-UBND, 13/7/2022; 3111/QĐ-UBND, 05/10/2023 4690/QĐ-UBND 29/12/2023	656.345,765	656.345,765	393.895,000	393.895,000		393.895,000			
23	1		Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị (xây dựng hạ tầng kỹ thuật) tại khu đất số 4 Trần Phú, quận Ngô Quyền và phục vụ đầu giá đất	875/QĐ-UBND, 10/4/2019; 3504/QĐ-UBND, 02/12/2021	70.305,000	70.305,000	30.751,992	30.751,992		30.751,992			
3			Hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp		1.284.688,781	456.688,781	228.495,072	228.495,072		228.495,072			
1	1		Bảo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Liên	2630/QĐ-UBND, 10/10/2018; 681/QĐ-UBND 03/3/2022; 1494/QĐ-UBND, 02/6/2023	17.473,929	17.473,929	8.376,500	8.376,500		8.376,500			
2	1		Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	2676/QĐ-UBND, 31/10/2016; 3368/QĐ-UBND, 07/10/2022; 1958/QĐ-UBND, 10/6/2024	275.144,852	275.144,852	56.148,572	56.148,572		56.148,572			

		Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp									
STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao				Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp		
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7	
3	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính giao thông Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	936/QĐ-BQL 18/7/2013; 1303/QĐ-BQL 11/7/2017	992.070,000	164.070,000	163.970,000	163.970,000		163.970,000	163.970,000			
II	3	Y tế		273.424,000	106.330,000	42.506,000	42.506,000		42.506,000	42.506,000			
1	1	Dự án đầu tư Cung cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA Hàn Quốc	151/QĐ-UBND, 21/01/2016; 902/QĐ-UBND, 02/6/2016; 2618/QĐ-UBND, 09/10/2018	74.845,000	7.795,000	7.615,000	7.615,000		7.615,000	7.615,000			
2	1	Dự án đầu tư Trang thiết bị triển khai kỹ thuật can thiệp tụy mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	469/QĐ-UBND 27/02/2015	52.129,000	39.955,000	33.955,000	33.955,000		33.955,000	33.955,000			
3	1	Dự án đầu tư trang thiết bị Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	1550/QĐ-UBND 13/8/2009; 727/QĐ-UBND 26/4/2013	146.450,000	58.580,000	936,000	936,000		936,000	936,000			
III	4	Quốc phòng		227.588,718	156.339,244	46.532,244	46.532,244		46.532,244	46.532,244			
1	1	Dự án đầu tư xây dựng mang cấp ngầm 0,4Kv cấp điện sản xuất, sinh hoạt và nhiệm vụ quốc phòng an ninh tại đảo Bạch Long Vỹ	2659/QĐ-UBND 08/10/2004 2352/QĐ-UBND 12/10/2005	7.962,000	0,000	1.653,000	1.653,000		1.653,000	1.653,000			
2	1	Cải tạo, nâng cấp Cản cơ hữu phương số 1 khu vực phòng thủ thành phố HP	2621/QĐ-UBND 31/10/2016	86.823,041	86.823,041	17.423,041	17.423,041		17.423,041	17.423,041			
3	1	Dự án đầu tư công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trường Quân sự thành phố	2580/QĐ-UBND, 23/12/2009 1977/QĐ-UBND, 20/8/2018	42.393,000	42.393,000	14.363,000	14.363,000		14.363,000	14.363,000			
4	1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện dự bị động viên Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng	1571/QĐ-UBND, 04/10/2011; 2410/QĐ-UBND, 10/8/2023	90.410,677	27.123,203	13.093,203	13.093,203		13.093,203	13.093,203			
IV	6	Giáo dục đào tạo		635.183,596	378.601,370	180.276,694	180.276,694		180.276,694	180.276,694			
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Nhà học thí nghiệm, học tiếng, học bộ môn Trường THPT Chuyên Trần Phú	2938/QĐ-UBND, 31/10/2017; 892/QĐ-UBND, 12/4/2019; 1957/QĐ-UBND, 09/7/2021; 1573/QĐ-UBND, 01/6/2022	65.076,316	65.076,316	39.968,000	39.968,000		39.968,000	39.968,000			
2	1	Trường THPT Ngô Quyền- hạng mục nhà A2	1834/QĐ-UBND, 31/10/2012	13.785,000	6.892,500	1.806,140	1.806,140		1.806,140	1.806,140			
3	1	Đầu tư xây dựng mới Trường Mầm non Nhi Đức, quận Kiến An	2897/QĐ-UBND 30/10/2017; 3657/QĐ-UBND 04/12/2020	63.085,726	0,000	20.000,000	20.000,000		20.000,000	20.000,000			
4	1	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Trường Đại học Hải Phòng	1249/QĐ-UBND, 06/2/2006; 2359/QĐ-UBND, 09/11/2017; 3527/QĐ-UBND, 03/12/2021	165.136,000	97.532,000	20.638,000	20.638,000		20.638,000	20.638,000			
5	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hải Phòng	1641/QĐ-UBND, 25/8/2009 1723/QĐ-UBND, 24/7/2015 2003/QĐ-UBND, 14/7/2021	176.524,554	97.524,554	92.024,554	92.024,554		92.024,554	92.024,554			

STT		Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp						
				Số NQ/QĐ		Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
								Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	
I	2		3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7	
6	1		Dự án đầu tư xây dựng trung tâm giáo dục - lao động - hòa nhập cộng đồng Hải Phòng	2468/QĐ-UBND, 16/10/2002 1979/QĐ-UBND, 30/9/2009	151.576,000	111.576,000	5.840,000	5.840,000		5.840,000	5.840,000			
V	6		Bảo vệ môi trường		6.204.109,549	1.487.974,754	681.317,013	681.317,013		601.662,013	601.662,013		-79.655,000	
1	1		Dự án đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Cát Bà thành phố Hải Phòng	1843/QĐ-UBND, 30/10/2010; 410/QĐ-UBND, 06/02/2024	190.389,000	108.667,000	171.322,000	171.322,000		91.667,000	91.667,000		-79.655,000	
2	1		Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố HP giai đoạn I (Bao gồm cả Dự án tái định cư Gia Minh phục vụ GPMB hợp phần quản lý chất thải rắn)	2333/QĐ-UBND, 25/10/2006; 1110/QĐ-UBND, 04/7/2008; 1807/QĐ-UBND, 11/9/2009; 2469/QĐ-UBND, 09/12/2009; 1727/QĐ-UBND, 18/10/2010; 1752/QĐ-UBND, 20/10/2010; 186/QĐ-UBND, 09/02/2012; 303/QĐ-UBND, 08/3/2012; 1821/QĐ-UBND, 23/9/2013; 1254/QĐ-UBND, 05/7/2013; 230/QĐ-UBND, 04/02/2016; 3098/QĐ-UBND, 08/10/2020 577/QĐ-UBND, 15/3/2017; 1029/QĐ-UBND, 04/5/2017; 1573/QĐ-UBND, 05/7/2018; 3616/QĐ-UBND, 30/11/2020	5.788.954,000	1.296.974,000	454.648,999	454.648,999	454.648,999	454.648,999				
3	1		Dự án đầu tư xây dựng Khu xử lý chất thải rắn Áng Chà - giai đoạn I, xã Trần Châu, huyện Cát Hải	2896/QĐ-UBND 30/10/2017 2107/QĐ-UBND, 06/9/2019; 1727/QĐ-UBND, 21/6/2021; 2641/QĐ-UBND, 31/8/2023	116.408,280	58.408,280	41.408,280	41.408,280		41.408,280	41.408,280			
4	1		Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại thành phố Hải Phòng	2591/QĐ-UBND, 10/05/2017 4007/QĐ-UBND, 31/12/2021	102.270,341	17.837,546	13.167,734	13.167,734		13.167,734	13.167,734			
5	1		Xây dựng bãi rác tạm Đình Vũ và Trại xử lý nước rỉ rác tại bãi rác tạm Đình Vũ	2945/QĐ-UBND 10/11/2004	3.808,928	3.808,928	671,858	671,858		671,858	671,858			
6	1		Xây dựng ô đổ rác số 3 bãi rác tạm Đình Vũ	501/QĐ-UBND ngày 5/4/2005	2.279,000	2.279,000	98,142	98,142		98,142	98,142			
VI	2		Văn hóa		93.790,462	93.790,462	12.899,672	12.899,672		12.899,672	12.899,672			
1	1		Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Hải Phòng - giai đoạn I	2397/QĐ-UBND, 03/10/2003; 507/QĐ-UBND, 26/3/2009; 2082/QĐ-UBND, 26/7/2021	90.260,462	90.260,462	11.347,462	11.347,462		11.347,462	11.347,462			
2	1		Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn của Thư viện Khoa học Tổng hợp thành phố	2242/QĐ-UBND, 13/11/2013	3.530,000	3.530,000	1.552,210	1.552,210		1.552,210	1.552,210			
VII	1		Lĩnh vực khác		127.834,734	55.618,960	16.815,759	16.815,759		16.815,759	16.815,759			

STT	Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp				
			Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTP	Tổng số	Điều chỉnh kỳ này				Tăng/giảm
								Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
1	1	Dự án xây dựng khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải tại xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải	2138/QĐ-UBND, 30/11/2011; 350/QĐ-UBND, 02/4/2013; 112/QĐ-UBND, 15/01/2014; 173/QĐ-UBND, 02/3/2018; 661/QĐ-UBND, 10/5/2019	127.834,734	55.618,960		16.815,759		16.815,759			
C	50	Các Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		35.278.913,150	31.726.643,894		24.920.991,713		20.436.063,713			-4.484.928,000
I	34	Các hoạt động kinh tế		26.714.389,943	23.715.045,433		17.458.055,820		12.421.169,820			-5.036.886,000
	16	Giao thông		22.135.300,827	19.167.256,317		12.863.815,385		8.496.292,385			-4.367.523,000
1	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng nối huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	3279/QĐ-UBND, 12/11/2021; 4541/QĐ-UBND, 30/12/2022	1.940.931,000	685.960,000		835.490,000		685.960,000			-149.530,000
2	1	Dự án đầu tư xây dựng đường Đỗ Mười kéo dài đến đường trục VSIP và phát triển đô thị vùng phụ cận	2262/QĐ-UBND 12/7/2022; 3248/QĐ-UBND, 16/9/2024	650.466,000	650.466,000		1.066.840,000		650.466,000			-416.374,000
3	1	Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bưởi Viên	709/QĐ-UBND, 21/3/2023; 3247/QĐ-UBND, 16/9/2024	7.020.406,000	7.020.406,000		4.601.619,000		800.000,000			-3.801.619,000
4	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (Km1+00) đến Ngã Ba Vạn Bùn (đường Lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn	1963/QĐ-UBND, 10/7/2020; 819/QĐ-UBND, 31/3/2023	959.109,335	959.109,335		957.020,500		957.020,500			
5	1	Dự án đầu tư cải tạo mặt để kết hợp làm đường giao thông đoạn đê hữu sông Thái Bình (từ xã Tân Liên đến Cầu Hàn) huyện Vĩnh Bảo	3706/QĐ-UBND, 07/12/2020; 3064/QĐ-UBND, 02/10/2023	269.159,000	264.211,490		262.911,000		262.911,000			
6	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nói đường liên phường với tuyến đường trong Khu công nghiệp Nam Tráng Cát, quận Hải An	1254/QĐ-UBND, 05/5/2021; 1092/QĐ-UBND, 26/4/2023	168.262,602	168.262,602		162.675,000		162.675,000			
7	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Lai Xuân và cải tạo, mở rộng đường tỉnh 352	2272/QĐ-UBND, 13/7/2022	1.334.876,000	1.322.277,000		1.322.277,000		1.322.277,000			
8	1	Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức tại Ngã 4 đường Tôn Đức Thắng - Máng Nước - Quốc lộ 5	2112/QĐ-UBND, 01/7/2022	688.831,000	688.831,000		688.831,000		688.831,000			
9	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt sông Hòa và đoạn tuyến qua Hải Phòng của tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Ngành	527/QĐ-UBND, 27/02/2023; 2502/QĐ-UBND, 18/8/2023	760.596,000	757.373,000		775.419,000		775.419,000			
10	1	Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi và chỉnh trang đô thị vùng phụ cận	49/NQ-HĐND, 22/12/2020 34/NQ-HĐND, 12/8/2021 36/NQ-HĐND, 20/7/2022	6.331.638,000	4.639.334,000		643.682,000		643.682,000			

STT		Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp							
				Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này		Tăng/giảm	
					Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố		Nguồn đóng góp của doanh nghiệp
1	2	3		4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
11	1		Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Thương Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	4063/QĐ-UBND, 02/12/2022	67.290,561	67.290,561	70.670,963	70.670,963		70.670,963	70.670,963		
12	1		Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường Hợp Đức, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	4064/QĐ-UBND, 02/12/2022	112.953,116	112.953,116	121.546,097	121.546,097		121.546,097	121.546,097		
13	1		Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hải Phong đoạn từ đường 353 đến ngã tư Hải Phong phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	787/QĐ-UBND, 28/3/2023	146.804,968	146.804,968	149.258,825	149.258,825		149.258,825	149.258,825		
14	1		Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đại Thắng đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến tuyến kết nối với đường vào khu tái định cư, mặt cắt ngang đường 25m, phường Hòa Nghĩa, quận Dương Kinh	4068/QĐ-UBND, 02/12/2022	111.701,245	111.701,245	115.846,000	115.846,000		115.846,000	115.846,000		
15	1		Dự án đường nối từ đường Nguyễn Lương Bằng với đường Trần Nhân Tông, quận Kiến An	600/QĐ-UBND, 08/3/2023	189.312,000	189.312,000	189.312,000	189.312,000		189.312,000	189.312,000		
16	1		Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 354 huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10, huyện Vĩnh Bảo	889/QĐ-UBND, 05/4/2023	1.382.964,000	1.382.964,000	900.417,000	900.417,000		900.417,000	900.417,000		
	2		Nông nghiệp, lâm nghiệp		242.220,969	242.220,969	241.920,969	241.920,969		241.920,969	241.920,969		
1	1		Dự án xây dựng tuyến đê mới thay thế tuyến đê Hữu Lạch Tray đoạn từ K14+350 - KK16+100, huyện An Lão	1014/QĐ-UBND, 31/3/2022	130.420,000	130.420,000	130.420,000	130.420,000		130.420,000	130.420,000		
2	1		Dự án Phòng, chống sụt lở núi Thiên Văn, quận Kiến An (giai đoạn 1)	2260/QĐ-UBND, 12/7/2022	111.800,969	111.800,969	111.500,969	111.500,969		111.500,969	111.500,969		
	14		Công trình công cộng		4.176.665,189	4.145.365,189	4.192.116,508	4.192.116,508		3.522.753,508	3.522.753,508		-669.363,000
1	1		Dự án xây dựng khu tái định cư tại xã Hòa Đông, xã Lâm Động phục vụ giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn thành phố	883/QĐ-UBND, 05/4/2023; 3255/QĐ-UBND, 16/9/2024	678.678,762	678.678,762	679.363,000	679.363,000		10.000,000	10.000,000		-669.363,000
2	1		Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư tại khu đất 9,2ha tại phường Thành Tô, quận Hải An	1655/QĐ-UBND, 14/6/2021; 1772/QĐ-UBND, 26/6/2023	138.004,000	138.004,000	140.300,000	140.300,000		140.300,000	140.300,000		
3	1		Dự án chỉnh trang sông Tam Bạc đoạn từ cầu Lạc Long đến cầu Hoàng Văn Thụ	702/QĐ-UBND, 04/3/2022	557.515,432	557.515,432	572.185,000	572.185,000		572.185,000	572.185,000		
4	1		Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đảo Cát Hải tại xã Nghĩa Lộ và tuyến đường kết nối khu tái định cư với đường Tân Vũ - Lạch Huyện	1728/QĐ-UBND 10/6/2022	232.963,488	232.963,488	232.963,488	232.963,488		232.963,488	232.963,488		



Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp											
STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này		
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12
5	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	2266/QĐ-UBND, 12/7/2022	86.971,000	55.671,000	55.671,000	55.671,000		55.671,000	55.671,000	
6	1	Dự án đầu tư xây dựng công viên cây xanh nút giao Nam cầu Bình	701/QĐ-UBND, 04/3/2022; 4130/QĐ-UBND, 06/12/2022	134.610,177	134.610,177	140.862,000	140.862,000		140.862,000	140.862,000	
7	1	Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2)	383/QĐ-UBND, 10/02/2023	685.516,271	685.516,271	677.488,700	677.488,700		677.488,700	677.488,700	
8	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại xã Tiên Thanh, huyện Tiên Lãng	782/QĐ-UBND, 28/3/2023	341.482,086	341.482,086	341.926,600	341.926,600		341.926,600	341.926,600	
9	1	Dự án xây dựng khu tái định cư và chỉnh trang đô thị tại khu vực ngõ 226 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền	4028/QĐ-UBND, 30/11/2022	440.283,000	440.283,000	440.283,000	440.283,000		440.283,000	440.283,000	
10	1	Dự án đầu tư xây dựng Quảng trường phía trước Trung tâm Chính trị - Hành chính tại Khu đô thị mới Bắc sông Cấm - giai đoạn I	2004/QĐ-UBND, 13/7/2023	250.315,341	250.315,341	261.877,000	261.877,000		261.877,000	261.877,000	
11	1	Dự án xây dựng khu tái định cư tại xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên	882/QĐ-UBND, 05/4/2023	119.968,000	119.968,000	120.903,000	120.903,000		120.903,000	120.903,000	
12	1	Dự án đầu tư xây dựng chỉnh trang đô thị tại khu vực bến xe Lạc Long cũ	3230/QĐ-UBND, 16/10/2023	189.283,730	189.283,730	196.314,000	196.314,000		196.314,000	196.314,000	
13	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư và bãi đỗ xe phục vụ chỉnh trang đô thị khu vực bến xe Niệm Nghĩa cũ	2903/QĐ-UBND, 25/9/2023	114.708,736	114.708,736	125.526,620	125.526,620		125.526,620	125.526,620	
14	1	Dự án chỉnh trang đô thị tại khu vực ngõ 47 Lê Lai và ngõ 92 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền	937/QĐ-UBND, 11/4/2023	206.365,166	206.365,166	206.453,100	206.453,100		206.453,100	206.453,100	
2		Công nghệ thông tin		160.202,958	160.202,958	160.202,958	160.202,958	0,000	160.202,958	160.202,958	
1	1	Dự án thực hiện một số nội dung để xây dựng Chính quyền số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025	866/QĐ-UBND, 23/3/2022; 2801/QĐ-UBND, 18/9/2023	128.966,658	128.966,658	128.966,658	128.966,658		128.966,658	128.966,658	
1	1	Dự án triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025	3436/QĐ-UBND, 26/9/2024	31.236,300	31.236,300	31.236,300	31.236,300		31.236,300	31.236,300	
II	4	Y tế		567.628,308	398.866,494	406.101,682	406.101,682		406.101,682	406.101,682	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế quận Dương Kinh	701/QĐ-UBND, 12/3/2021; 3961/QĐ-UBND, 30/12/2021; 1538/QĐ-UBND, 16/5/2024	222.187,000	205.425,187	211.514,000	211.514,000		211.514,000	211.514,000	

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp												
Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			Điều chỉnh kỳ này				Tăng/giảm					
STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao		Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tăng/giảm	
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố					Nguồn đóng góp của doanh nghiệp
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7
2	1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng	801/QĐ-UBND, 15/3/2022; 2811/QĐ-UBND, 29/8/2022	141.990,962	51.990,961	51.990,962	51.990,962		51.990,962	51.990,962		
3	1	Dự án đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân 07 tầng tại Bệnh viện Kiến An	2288/QĐ-UBND, 13/7/2022	105.328,720	105.328,720	105.328,720	105.328,720		105.328,720	105.328,720		
4	1	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp các Trạm Y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng	4459/QĐ-UBND, 26/12/2022	98.121,626	36.121,626	36.121,626	37.268,000		37.268,000	37.268,000		
III	4	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước		5.667.668,128	5.602.668,128	5.602.668,128	5.045.140,000		5.597.098,000	5.597.098,000		551.958,000
1	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm	51/NQ-HĐND, 19/7/2024	2.831.192,000	2.831.192,000	2.831.192,000	2.507.743,000		2.825.692,000	2.825.692,000		317.949,000
2	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Hội nghị - biểu diễn thành phố và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm	52/NQ-HĐND, 19/7/2024	2.570.905,000	2.570.905,000	2.570.905,000	2.336.896,000		2.570.905,000	2.570.905,000		234.009,000
3	1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Hành chính - Chính trị Quận Ngô Quyền	3544/QĐ-UBND, 25/11/2020	254.175,000	189.175,000	189.175,000	189.175,000		189.175,000	189.175,000		
4	1	Dự án đầu tư giải phóng mặt bằng Tòa án nhân dân quận Kiến An giai đoạn II, làm sân, đường vào, công, tường rào	58/QĐ-UBND, 08/01/2020	11.396,128	11.396,128	11.326,000	11.326,000		11.326,000	11.326,000		
IV	2	Bảo vệ môi trường		1.028.888,135	1.028.888,135	1.028.888,135	1.028.688,135		1.028.688,135	1.028.688,135		
1	1	Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải, hệ thống tín hiệu giao thông và công viên ven sông từ đường ven sông Cấm đến đường đê tả sông Cấm	881/QĐ-UBND, 25/3/2022; 2025/QĐ-UBND, 17/7/2023	936.628,135	936.628,135	936.628,135	936.628,135		936.628,135	936.628,135		
2	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình bổ sung, cải thiện chất lượng nguồn nước sông Rế	2259/QĐ-UBND, 12/7/2022	92.260,000	92.260,000	92.260,000	92.060,000		92.060,000	92.060,000		
V	2	Giáo dục đào tạo		621.499,905	572.336,973	572.336,973	573.364,100		573.364,100	573.364,100		
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng (giai đoạn I)	905/QĐ-UBND, 28/3/2022	375.685,246	375.685,246	375.685,246	375.774,000		375.774,000	375.774,000		
2	1	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kênh Dương	1768/QĐ-UBND, 26/6/2023	245.814,659	196.651,727	196.651,727	197.590,100		197.590,100	197.590,100		
VI	1	Xã hội		98.203,000	8.203,000	8.203,000	8.203,000		8.203,000	8.203,000		
1	1	Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng nâng cao năng lực cơ sở trợ giúp xã hội thành phố Hải Phòng	2282/QĐ-UBND 13/7/2022; 3057/QĐ-UBND, 20/9/2022	98.203,000	8.203,000	8.203,000	8.203,000		8.203,000	8.203,000		
VII	1	Quốc phòng		360.000,000	180.000,000	180.000,000	180.000,000		180.000,000	180.000,000		

104

TH

STT		Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp							
				Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
					Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng	331/QĐ-BQP, 27/01/2023	360.000,000	180.000,000	180.000,000	180.000,000		180.000,000	180.000,000			
VIII	2	Lĩnh vực khác		220.635,731	220.635,731	221.438,976	221.438,976		221.438,976	221.438,976			
1	1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân Phi Liệt, huyện Thủy Nguyên	886/QĐ-UBND, 05/4/2023	166.138,731	166.138,731	166.941,976	166.941,976		166.941,976	166.941,976			
2	1	Dự án đầu tư xây dựng Kho tạm giữ hàng hóa vi phạm của thành phố tại phường Nam Hải, quận Hải An	813/QĐ-UBND, 31/3/2023	54.497,000	54.497,000	54.497,000	54.497,000		54.497,000	54.497,000			
D	23	Các Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được phê duyệt dự án		10.467.641,305	10.221.275,305	2.473.192,255	2.473.192,255		2.903.227,306	2.903.227,306		430.035,051	
I	8	Các hoạt động kinh tế		8.158.225,008	8.157.486,008	1.090.317,311	1.090.317,311	-	1.457.674,935	1.457.674,935	-	367.357,624	
4		Giao thông		1.622.835,762	1.622.835,762	347.206,000	347.206,000		813.586,000	813.586,000		466.380,000	
1	1	Dự án xây dựng tuyến đường trục giao thông nối Khu công nghiệp Đình Vũ với Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (giai đoạn II) thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải	50/NQ-HĐND, 19/7/2024	197.484,000	197.484,000	-	-		150.000,000	150.000,000		150.000,000	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sau các bến cảng số 3 đến số 6, khu bến cảng Lạch Huyện	10/NQ-HĐND, 22/3/2024	716.495,000	716.495,000	-	-		216.380,000	216.380,000		216.380,000	
3	1	Dự án mở rộng tuyến đường Lý Thái Tổ tại Khu I Đồ Sơn và phát triển vùng phụ cận	59/NQ-HĐND, 19/7/2024	300.584,000	300.584,000	-	-		100.000,000	100.000,000		100.000,000	
4	1	Dự án cải tạo hè, đường Nguyễn Bình Khiêm, Lê Lợi và một số tuyến đường nội đô thành phố	03/NQ-HĐND, 18/4/2023	408.272,762	408.272,762	347.206,000	347.206,000		347.206,000	347.206,000			
I		Nông nghiệp, lâm nghiệp		2.980.087,743	2.980.087,743	479.000,000	479.000,000		15.977,624	15.977,624		-463.022,376	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê tả sông Cấm đoạn từ K25+000 đến K31+741 tại huyện Thủy Nguyên	26/NQ-HĐND, 22/7/2020; 66/NQ-HĐND, 09/12/2022	2.980.087,743	2.980.087,743	479.000,000	479.000,000		15.977,624	15.977,624		-463.022,376	
3		Công trình công cộng		3.555.301,503	3.554.562,503	264.111,311	264.111,311		628.111,311	628.111,311		364.000,000	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực các chung cư cũ Vạn Mỹ và 311 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền	58/NQ-HĐND, 19/7/2024	583.671,000	582.932,000	-	-		364.000,000	364.000,000		364.000,000	
2	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại lô A52 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân	55/NQ-HĐND, 19/10/2022	253.395,503	253.395,503	253.395,503	253.395,503		253.395,503	253.395,503			
3	1	Dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền	27/NQ-HĐND, 12/8/2021	2.718.235,000	2.718.235,000	10.715,808	10.715,808		10.715,808	10.715,808			
II	1	Văn hóa		234.539,000	234.539,000	186.629,000	186.629,000		186.629,000	186.629,000			

STT			Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp					
					Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
						Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7		
I	1	Dự án đầu tư tu bổ tôn tạo quần thể di tích Bến K15, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn	28/NQ-HĐND, 19/7/2019; 27/NQ-HĐND, 18/7/2023	234.539,000	234.539,000	186.629,000	186.629,000		186.629,000	186.629,000				
III	6	Quốc phòng		1.211.552,136	1.210.162,136	1.022.604,200	1.022.604,200		973.012,871	973.012,871		-49.591,329		
I	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất quân đội của trung đoàn bộ 238/363 và khu đất doanh trại của sư đoàn 363 thuộc quân chủng Phòng không - Không quân	45/NQ-HĐND, 22/12/2020; 35/NQ-HĐND, 26/6/2024	269.442,136	269.442,136	269.442,000	269.442,000		267.158,642	267.158,642		-2.283,358		
2	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đất thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân	42/NQ-HĐND, 22/12/2020; 32/NQ-HĐND, 26/6/2024	337.347,000	337.347,000	481.414,000	481.414,000		251.161,000	251.161,000		-230.253,000		
3	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu đất trận địa bị của Đại đội PPK172/e240 và đại đội PPK171/e240 thuộc quân chủng Phòng không - Không quân	44/NQ-HĐND, 22/12/2020; 34/NQ-HĐND, 26/6/2024	146.023,000	146.023,000	142.615,000	142.615,000		115.608,112	115.608,112		-27.006,888		
4	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất trận địa chính thức của Đại đội PPK172/e240 và TLĐ72/e285 thuộc quân chủng Phòng không - Không quân	43/NQ-HĐND, 22/12/2020; 33/NQ-HĐND, 26/6/2024	127.905,000	127.905,000	129.133,200	129.133,200		109.350,117	109.350,117		-19.783,083		
5	1	Dự án đầu tư Xây dựng trạm kiểm tra, giám sát trên sông, vịnh/Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu Cảng Hải Phòng	6289/QĐ-BQP, 02/12/2023	35.535,000	34.145,000	-	-		34.145,000	34.145,000		34.145,000		
6	1	Dự án Xây dựng doanh trại và nơi neo đậu, tránh trú cho các tàu thuyền thuộc Hải đội dân quân thường trực	11/NQ-HĐND, 22/3/2024	295.300,000	295.300,000	-	-		195.590,000	195.590,000		195.590,000		
IV	1	Giáo dục đào tạo		288.826,000	45.589,000	45.589,000	45.589,000		0,000	0,000		-45.589,000		
I	1	Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 14 Dự án "Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản	1594/QĐ-UBND, 08/7/2019	288.826,000	45.589,000	45.589,000	45.589,000		0,000	0,000		-45.589,000		
V	4	Y tế		292.833,000	292.833,000	52,744	52,744		131.585,500	131.585,500		131.532,756		
1	1	Dự án đầu tư xây dựng nhà công vụ, nhà ăn, nhà kiểm soát nhiệm vụ khuân 2 tầng thuộc Trung tâm Y tế Quân dân y Bạch Long Vĩ	57/NQ-HĐND, 19/7/2024	19.121,000	19.121,000	52,744	52,744		19.121,000	19.121,000		19.068,256		
2	1	Dự án đầu tư xây dựng Nhà Khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực – Chống độc – Ngoại thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo	54/NQ-HĐND, 19/7/2024	75.621,000	75.621,000	-	-		50.000,000	50.000,000		50.000,000		
3	1	Dự án khu nhà khám bệnh, liên chuyển khoa thuộc Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng	56/NQ-HĐND, 19/7/2024	64.929,000	64.929,000	-	-		32.464,500	32.464,500		32.464,500		



Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp													
STT	Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			Đã giao				Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm
			Số NQ/QĐ	Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp		
I	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7	
4	1	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên – Giai đoạn I	55/NQ-HBND, 19/7/2024	133.162,000	133.162,000	-			30.000,000	30.000,000		30.000,000	
VI	2	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước		50.218,000	49.218,000	-			26.325,000	26.325,000		26.325,000	
1	1	Dự án cải tạo, mở rộng trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng	482/QĐ-TANDTC-KHTC, 30/11/2023	10.325,000	9.325,000	-			9.325,000	9.325,000		9.325,000	
2	1	Dự án xây dựng nhà làm việc, hội trường đa chức năng và công trình phụ trợ Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng	91/QĐ-VKSTC, 17/7/2024	39.893,000	39.893,000	-			17.000,000	17.000,000		17.000,000	
VII	1	An ninh, trật tự và an toàn xã hội		231.448,161	231.448,161		128.000,000		128.000,000	128.000,000			
1	1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Công an xã, thị trấn thuộc Công an thành phố	7891/QĐ-BCA-H01	231.448,161	231.448,161		128.000,000		128.000,000	128.000,000			
E	34	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		65.639,907	65.639,907		28.065,022		34.842,633	34.842,633		6.777,611	
1	1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (đoạn từ đường Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến đường bộ ven biển)	45/QĐ-KHĐT, 25/02/2022	393,986	393,986		393,986		393,986	393,986			
2	1	Dự án cải tạo, mở rộng đường Thiên Lôi (đoạn từ đường Trại Lê đến đường Võ Nguyên Giáp)	43/QĐ-KHĐT, 25/02/2022	107,451	107,451		107,451		107,451	107,451			
3	1	Dự án cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Bình, đoạn từ đường Quán Nam đến Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng	47/QĐ-KHĐT, 25/02/2022	98,548	98,548		98,548		98,548	98,548			
4	1	Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu	253/QĐ-SGTVT, 10/3/2023	3.872,730	3.872,730		3.872,730		3.872,730	3.872,730			
5	1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư tại xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên	252/QĐ-SGTVT, 10/3/2023	114,112	114,112		114,112		114,112	114,112			
6	1	Dự án triển khai hệ thống bệnh án điện tử	103/QĐ-KHĐT, 27/6/2023	881,168	881,168		881,168		881,168	881,168			
7	1	Dự án xây dựng Tượng đài chiến thắng Cát Bi tại Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	57/QĐ-VHTT, 14/02/2023	1.165,588	1.165,588		1.165,588		1.165,588	1.165,588			
8	1	Thị tuyến phương án kiến trúc công trình cầu vượt sông Ruột Lợn trên tuyến đường Vành đai 3 thuộc Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu	1172/QĐ-UBND, 08/5/2023	192,850	192,850		192,850		192,850	192,850			
9	1	Thị tuyến phương án kiến trúc công trình cầu Ngổ Quyền trên tuyến đường Vành đai 3 thuộc Dự án phát triển thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu	1174/QĐ-UBND, 08/5/2023	332,850	332,850		332,850		332,850	332,850			

STT	Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp									
			Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTP	Đã giao			Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm									
				Tổng số	Tổng số		Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp										
			4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7										
1	2	3																				
10	1	Dự án phát triển bên vùng khu vực Đồng Nam thành phố Hải Phòng thích ứng với biến đổi khí hậu	270/QĐ-SXD, 18/7/2023	1.278,949	1.278,949	1.278,949	1.278,949			1.278,949	1.278,949											
11	1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường Chính trị Tô Hiệu đạt chuẩn	366/QĐ-SXD, 29/9/2023	2.592,058	2.592,058	2.592,058	2.592,058			2.592,058	2.592,058											
12	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối cầu Rào 3 đến tuyến đường bộ ven biển	534/QĐ-KHĐT, 22/02/2021	898,192	898,192	898,192	898,192			898,192	898,192											
13	1	Dự án đầu tư nâng cấp cải tạo, mở rộng tuyến đường tỉnh 351 đoạn từ ngã tư Long Thành, xã Nam Sơn đến cầu Kiến An, xã Hồng Thái, huyện An Dương	1074/QĐ-SGTVT, 04/9/2020	157,998	157,998	157,998	157,998			157,998	157,998											
14	1	Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng thủy nội địa quốc gia sông Văn Úc	1102/QĐ-SGTVT, 28/9/2021	2.528,819	2.528,819	2.528,819	2.528,819			2.528,819	2.528,819											
15	1	Ban chuẩn bị dự án tuyến đề quai lần biển huyện Tiên Lãng	394/TB-STC, 17/12/2018	34.309,939	34.309,939	34.309,939	34.309,939			9.092,665	9.092,665											
16	1	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở sinh viên tập trung tại phường Kênh Dương, quận Lê Chân (giai đoạn II)	3/QĐ-GBSTC, 26/01/2018	1.517,443	1.517,443	1.517,443	1.517,443			1.437,443	1.437,443											
17	1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Cát Hải	36/QĐ-STC, 24/9/2021	2.784	2.784	2.784	2.784			2.784	2.784											
18	1	Dự án đầu tư xây dựng các công trình kiến trúc Khu đô thị mới Bắc sông Cấm (giai đoạn I)	3410/QĐ-UBND, 26/11/2021	8.416,832	8.416,832	8.416,832	8.416,832			2.916,832	2.916,832											
19	1	Dự án cải tạo, sửa chữa Trung tâm Phát thanh - Truyền hình thành phố Hải Phòng và bổ sung hệ thống Phòng cháy chữa cháy tự động của Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng	37/QĐ-SXD, 04/3/2024	514,168	514,168	514,168	514,168															514,168
20	1	Dự án đầu tư xây dựng đường ống cấp nước từ đảo Cát Hải sang đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	136/QĐ-SXD, 28/5/2024	414,816	414,816	414,816	414,816															414,816
21	1	Dự án đầu tư điện chiếu sáng trên toàn tuyến Quốc lộ 10	365/QĐ-SGTVT, 09/4/2024	252,733	252,733	252,733	252,733															252,733
22	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đơn nguyên cầu vượt sông Văn Úc 2	1429/QĐ-SGTVT, 10/11/2023	306,845	306,845	306,845	306,845															306,845
23	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An	820/QĐ-SGTVT, 02/7/2024	802,262	802,262	802,262	802,262															802,262
24	1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố	875/QĐ-SYT, 16/8/2024	69,123	69,123	69,123	69,123															69,123

Nghị quyết/Quyết định phê duyệt dự án: Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 ngân sách thành phố và nguồn đóng góp của doanh nghiệp										
STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Đã giao				Điều chỉnh kỳ này			Tăng/giảm	
				Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp	Tổng số	Ngân sách thành phố	Nguồn đóng góp của doanh nghiệp			
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13=10-7		
25	1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng	876/QĐ-SYT, 16/8/2024	129,441	129,441	-			129,441	129,441		129,441		
26	1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo trường THPT Ngô Quyền	1129/QĐ-SGDDT, 19/8/2024	83,874	83,874	-			83,874	83,874		83,874		
27	1	Dự án đầu tư xây dựng trường THPT chuyên Trần Phú (giai đoạn 3)	1128/QĐ-SGDDT, 19/8/2024	89,552	89,552	-			89,552	89,552		89,552		
28	1	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Lê Hồng Phong	1198/QĐ-SGTVT, 13/9/2024	218,071	218,071	-			218,071	218,071		218,071		
29	1	Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường Bùi Viện và đường Võ Nguyên Giáp	1199/QĐ-SGTVT, 13/9/2024	219,650	219,650	-			219,650	219,650		219,650		
30	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường ven biển đến đường sau cảng Nam Đồ Sơn	1203/QĐ-SGTVT, 13/9/2024	213,478	213,478	-			213,478	213,478		213,478		
31	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Lạch Tray – Hồ Đồng	1207/QĐ-SGTVT, 13/9/2024	1.011,932	1.011,932	-			1.011,932	1.011,932		1.011,932		
32	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường trục Đông Tây, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương từ đường tỉnh 389 vượt sông Hàn - Cầm đến đường tỉnh 352, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng	1206/QĐ-SGTVT, 13/9/2024	373,354	373,354	-			373,354	373,354		373,354		
33	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến cầu Khuê	1205/QĐ-SGTVT, 13/9/2024	1.136,135	1.136,135	-			1.136,135	1.136,135		1.136,135		
34	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 - Quốc lộ 10 đoạn tránh thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	1204/QĐ-SGTVT, 13/9/2024	942,177	942,177	-			942,177	942,177		942,177		

PHỤ LỤC VII: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THU HỒI ỨNG TRƯỚC TRONG
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 74 /NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Số dự án	Tên dự án	Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP				Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm	
1	2	3	4	5	6				7	8	9=8-7	
12		TỔNG SỐ							20.362,014	331.636,983	311.274,969	
1	1	Trung tâm Giáo dục - Lao động xã hội số 2 (khu dạy nghề người sau cai nghiện)	314/QĐ-UBND 09/3/2012	161.154,000	-				4.999,214	4.999,214		
2	1	Dự án Bảo tồn đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Bà, giai đoạn 2007 - 2011	2502/QĐ-UBND, 17/12/2007 2099/QĐ-UBND, 08/12/2008	-	-				697,400	697,400		
3	1	Bảo vệ rừng phòng hộ ven biển năm 2009	347A/QĐ-SNN-QLXD	-	-				113,400	113,400		
4	1	Dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tàu thuyền và dịch vụ hậu cần bến cá Ngọc Hải - Đồ Sơn	183/QĐ-UBND, 01/02/2000 3374/QĐ-UBND, 30/11/2001 1945/QĐ-UBND, 19/8/2003	-	-				2.015,000	2.015,000		
5	1	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi kênh Hòn Ngọc, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	5304/QĐ-BNN-QLN, 30/10/2001	-	-				6.337,000	6.337,000		
6	1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm đường sinh và phục hồi sức khỏe thành phố Hải Phòng	2622/QĐ-UBND, 22/10/2003 2445/QĐ-UBND, 07/12/2007 1943/QĐ-UBND, 17/11/2010	-	-				6.000,000	6.000,000		

STT	Số dự án	Tên dự án	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
			Số NQ/QĐ	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSTP	Đã giao	Điều chỉnh kỳ này	Tăng/giảm	
				Tổng số						
7	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống trình diễn nhạc nước kết hợp âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo nghệ thuật tại khu vực lòng hồ Tam Bạc, thành phố Hải Phòng - Giai đoạn I	2734/QĐ-UBND, 05/12/2014	194.964,000	-	200,000	200,000			
8	1	Xây dựng nút giao thông ngã tư Quán Mau	1539/QĐ-UBND, 27/9/2011	241.000,000	241.000,000			54.431,973	54.431,973	
9	1	Dự án đầu tư mở rộng Khu bay Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	375/QĐ-UBND, 15/02/2013; 1444/QĐ-UBND, 01/7/2014; 3059/QĐ-UBND, 12/12/2016; 167/QĐ-UBND, 23/01/2017; 1396/QĐ-UBND, 13/6/2019; 1472/QĐ-UBND, 26/6/2019; 1683/QĐ-UBND, 29/5/2024	3.660.815,000	1.177.452,000			220.400,000	220.400,000	
10	1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay - Cảng hàng không quốc tế Cát Bi	22/QĐ-STC, 09/8/2024	122.574,274	122.574,274			20.000,000	20.000,000	
11	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu nhà ở phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại khu đất Công ty Xuất nhập khẩu súc sản gia cầm Hải Phòng	66/QĐ-STC, 21/12/2018	8.095,085	8.095,085			5.024,395	5.024,395	
12	1	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tân Liên thành phố Hải Phòng giai đoạn I	03/QĐ-STC, 13/01/2016; 24/QĐ-STC, 21/9/2023	89.357,015	89.357,015			11.418,601	11.418,601	Trong đó thu hồi ứng trước 11.150 triệu đồng